

NHÓM VỊ TỪ: LÀM, KHIẾN, GÂY

CAUSATIVE VERBS IN VIETNAMESE: LÀM, KHIẾN, GÂY

Nguyễn Thị Hoàng Yến*

1. Thuộc tính ngữ nghĩa - ngữ pháp của nhóm vị từ *làm, khiến, gây*

1.1. Cấu trúc tác động - gây khiến (causative resultative) mô tả thực thể gây ra sự việc có một hành động trực tiếp tác động đến đối tượng (người, sự vật, sự việc) và sự tác động này làm cho đối tượng thay đổi trạng thái (tính chất, tình trạng) hay vị trí, gây nên một quá trình mà bổ ngữ chính là đối thể của hành động chuyển tác ấy¹. Dạng thức của một cấu trúc gây khiến - kết quả là [NP1 V1 NP2 XP] (“Họ bắn tàu chìm”). Trong đó, NP1 là danh ngữ chủ ngữ/tác thể, V là vị từ tác động, NP2 là người/vật bị tác động và XP là ngữ kết quả/trạng thái mới của NP2 (in nghiêng).

Khi ngữ kết quả có vị trí ở sau vị từ chính, làm thành một vị ngữ kết chuỗi (serial verbs) [NP1 V1 XP NP2] thì ta có **cấu trúc kết quả** (resultative constructions) (“Họ bắn tàu chìm”).

1.2. Cấu trúc kết quả với nhóm vị từ *làm, khiến, gây* về mặt hình thức cũng có dạng thức [NP1 V1 NP2 XP] (“Gió **làm** cát bay”) và cấu trúc vị ngữ kết chuỗi [NP1 V1 XP NP2] (“Nó **khiến** tôi buồn”; “Sự việc **gây** chấn động dư luận”) nhưng khác với hai cấu trúc nêu trên (1.1) ở chỗ, về mặt ý nghĩa, hành động chuyển tác gây khiến không còn giữ vai trò quan trọng trong câu mà chỉ được biểu đạt chung chung với ý có một hành động nào đó của tác thể đã tạo ra kết quả là sự thay đổi trạng thái của đối tượng theo sau vị từ, *nguyên nhân và kết quả* mới là trọng tâm diễn ngôn của nhóm vị từ này. So sánh:

- (2) a. Tôi **làm** cây gãy. (2) b. Tôi bẻ cây gãy.
(3) a. Nó **khiến** tôi *bực mình*. (3) b. Nó phá xe *hỏng khiến* tôi *bực mình*.

Câu (2b) và mệnh đề đầu của (3b) cho thấy chủ thể đã *tác động một lực* có tính vật lý (*bẻ, phá*) vào đối thể (*cây, xe*), trong khi ở (2a) và (3a) hành động gây khiến *bị mờ đi*, mối quan hệ nguyên nhân - kết quả nổi trội hơn. Có thể nói, ví dụ (3b) là câu diễn giải cho ví dụ (3a). Trong mệnh đề phụ “nó phá xe *hỏng*” dù có vị từ tác động *phá* gây ra kết quả *xe hỏng* nhưng ý nghĩa của mệnh đề là nhằm miêu tả nguyên nhân dẫn đến sự tình “*khiến tôi bực mình*”. Do vậy, cấu trúc sâu của nhóm vị từ **làm** không đồng nhất với cấu trúc tác động - gây khiến, và có đặc trưng rõ nét là lực tác động của tác thể không được nêu rõ.

Như vậy, có thể nói, là một vị từ phái sinh từ ý nghĩa tác động của một động từ chuyển tác bình thường, không gây khiến, **làm** trong cấu trúc gây khiến - quan hệ đã được ngữ pháp hóa, có ít nội dung ngữ nghĩa thực hoặc đã mất một số nội dung ngữ nghĩa.

* Thạc sĩ, Khoa Việt Nam học, Trường Đại học Khoa học Xã hội & Nhân văn, ĐHQG TP HCM

¹ Cao Xuân Hạo (2006). *Tiếng Việt Sơ thảo Ngữ pháp chức năng*, NXB KHXH, tr.439.

2. Cấu trúc câu gây khiến với vị từ **làm**

Xét về mặt cấu trúc, câu với **làm** của nhóm vị từ gây khiến có thể được xem là kiểu câu được mã hóa theo công thức [*làm* - vị từ vô tác] tạo thành cấu trúc có *cơ chế gây khiến hóa* (causative mechanism) phổ biến nhất vì các vị từ *không có ý gây khiến, tác động* cũng có thể kết hợp với nhóm vị từ này để biểu đạt ý gây khiến. Câu với vị từ **làm** thường xuất hiện trong các cấu trúc sau:

2.1. Vị từ **làm** trong câu gây khiến trực tiếp và gián tiếp

Lý thuyết về *gây khiến trực tiếp* và *gây khiến gián tiếp* đã được Verhagen và Kemmer (1997)² đề cập đến đầu tiên. Theo đó, một sự tình được xem là gây khiến trực tiếp khi *lực từ tác nhân gây khiến là duy nhất* tác động đến bị thể và hệ quả là tất yếu, không tránh khỏi.

Trong tiếng Việt, vị từ **làm** cũng có thể biểu đạt sự tình gây khiến trực tiếp và gián tiếp khi *tác nhân là sự vật, sự việc*, như trong các ví dụ sau:

(4) Mảng bê tông rơi xuống **làm** một người tử vong.³

(5) Tiếng bước chân người yêu **làm** trái tim tôi loạn nhịp.

Ở ví dụ (4), ‘mảng bê tông’ là lực tác động duy nhất dẫn đến việc ‘một người tử vong’ nên có thể xem là sự tình gây khiến trực tiếp, gây ra bởi một tác động vật lý. Ở ví dụ (5), ‘tiếng bước chân’ tức thì làm dâng lên những xung động tình cảm, gây ra những phản ứng có tính vật lý đến nhịp tim. Những phản ứng này ngoài khả năng kiểm soát của bị thể ‘tôi/trái tim tôi’. Sự tình này được xem là sự tình gây khiến trực tiếp, *gây ra* khi các giác quan (*nghe, nhìn, sờ, ngửi, nếm*)⁴ bị sự vật, hiện tượng tác động vào.

Nếu có thêm những lực tác động bên ngoài tác nhân tạo thành nguồn lực tác động đến sự tình kết quả thì được xem là gây khiến gián tiếp:

(6) Họ cố gắng **làm** khách hàng *thôi phen nản*.

(7) Xuất thân từ giới thương nhân, gia đình Shinawatra đã biết biến đồng tiền trở thành sức mạnh chính trị và chính trị lại **làm** *tăng sức mạnh để kiếm tiền*.

Trong ví dụ (6), việc ‘*thôi phen nản*’ của khách hàng không chỉ đến từ phía những nỗ lực của tác thể ‘*họ*’ mà còn phải tính đến sự thỏa thuận, đồng ý, nhượng bộ của phía bị thể ‘*khách hàng*’. Ở ví dụ (7) có thể thấy có nhiều lực trung gian tham gia vào quá trình để đưa đến kết quả “*tăng sức mạnh để kiếm tiền*” nên cả (6) và (7) đều là kết quả gián tiếp.

Bảng miêu tả nhiều dạng của quá trình tinh thần và trạng thái có liên quan đến sự gây khiến trực tiếp (direct causation/DC) hay gián tiếp (indirect causation/IC) của D’Andrade minh họa rất rõ điều này:

² Verhagen & Kemmer, 1997, *Interaction and causation: Causative constructions in modern standard Dutch. Journal of Pragmatics*, tr.61.

³ Những ví dụ dẫn trong bài được trích từ các bài báo của trang web Tuổi Trẻ online, mục “Độc nhiều” <https://tuoitre.vn/>,.

⁴ Roy D’Andrade, 1987, tr. 37, 38.

Tri giác (nghe, nhìn, sờ, ngửi thấy, nếm)	Đức tin (Belief)	Cảm giác (Feelings)	Sự thèm muốn (Desires)	Ý định (Intentions)	Ý chí (Resolutions)
Tác nhân gây khiến bên ngoài, không thể kiểm soát	Tác nhân gây khiến bên trong, kiểm soát được.	Tác nhân gây khiến bên ngoài + bên trong, không thể kiểm soát	Tác nhân gây khiến bên ngoài + bên trong, không thể kiểm soát	Tác nhân gây khiến bên trong, tự kiểm soát được.	Tác nhân gây khiến bên trong, tự kiểm soát được.
DC	IC	DC	DC	IC	IC

2.2. Vị từ làm trong cấu trúc gây khiến không chủ ý

2.2.1. Khác với cấu trúc tác động - gây khiến, câu gây khiến với vị từ **làm** bao gồm hai sự tình nguyên do - kết quả, trong đó, phần sự tình đầu chỉ nguyên nhân, phần sự tình sau vị từ trung tâm là một cụm chủ vị chỉ trạng thái kết quả. Cú pháp: [NP1 **làm** NP2 XP] (“Boi lội làm cơ thể săn chắc”).

Cấu trúc kết quả tác động - gây khiến có vị từ trung tâm biểu thị hành động trực tiếp với tác thể luôn là người, ý gây khiến của tác thể luôn là *chủ ý* (volition), nhưng trong câu gây khiến với vị từ **làm**, tùy trường hợp mà vị từ có nghĩa [$\pm$ chủ ý]:

- (8) a. Anh ấy **đập bình vỡ**. [+ chủ ý]
 b. Anh ấy **làm bình vỡ**. [$\pm$ chủ ý]
 c. Con mèo **làm bình vỡ**. [- chủ ý]

Ở câu (8a), vị từ **đập** biểu thị một sự tình tác động *chủ ý của tác thể*. Câu (8b) có **làm** là vị từ [$\pm$ chủ ý] nên sự tình *bình vỡ* có thể ngoài ý muốn. Trường hợp người/động vật không chủ ý như trong (8b), (8c) thì thực chất đây là một kiểu cấu trúc **gây khiến - quan hệ**, “*biểu thị mối quan hệ gây khiến, trong đó thực thể ấy không có một hành động trực tiếp sinh ra sự việc mà bằng tính cách hay bằng một hành động không có liên quan đến sự việc mà gây ra nó*”⁵.

2.2.2. Điều đáng lưu ý là thành phần chủ ngữ ngữ pháp của vị từ **làm** có thể là một tác nhân có vai bổ ngữ được chuyển vị trái làm đề. Vị từ gây khiến là vị từ ẩn:

- (9) **Thuốc dành cho trẻ** chứa tá dược lẫn tạp chất là độc chất propylene glycol **làm cho** nhiều trẻ tử vong.
 (10) Sự lạnh lùng, lì lợm và đặc biệt là ánh mắt đầy sát khí của Thọ **làm cho** nhiều người đối diện cảm thấy lạnh sống lưng.

Chủ ngữ ngữ pháp ‘*thuốc dành cho trẻ*’, ‘*sự lạnh lùng, lì lợm*’ ở các ví dụ trên không có quan hệ ngữ pháp trực tiếp với các vị từ chỉ trạng thái kết quả ‘*tử vong*’, ‘*cảm thấy lạnh sống lưng*’ ở sự tình sau. Có thể cải biên các câu trên như sau:

⁵ Cao Xuân Hạo, tr.443.

- (9') Trẻ **uống** thuốc chứa tá dược lẫn tạp chất là độc chất propylene glycol và việc uống thuốc này **làm cho** nhiều trẻ tử vong.
- (10') Nhiều người đối diện **nhìn thấy** sự lạnh lùng, lì lợm và đặc biệt là ánh mắt đầy sát khí của Thọ. Việc này **làm cho** họ cảm thấy lạnh sống lưng.

2.2.3. Sự tình biểu thị hành động, quá trình cũng có thể chuyển vị, giữ vai trò vị ngữ làm thuyết sau vị từ quan hệ 'là':

- (11) Điều **làm** tôi hạnh phúc là giảm bớt được gánh nặng cho xã hội.

Vì là ngôn ngữ không hình thái, trật tự từ trong tiếng Việt là phương tiện chính để biểu hiện ngữ nghĩa, ngữ pháp nên có thể nói bất cứ sự thay đổi nào về vị trí từ trong câu đều nhằm truyền tải những chức năng diễn ngôn khác nhau. Khi sự tình biểu thị quá trình, hành động đặt sau hệ từ "là", trọng tâm của diễn ngôn nằm ở quan hệ đề - thuyết, nhằm nêu ra chủ thể của sự nhận định - nội dung của nhận định (câu 11) chứ không biểu đạt quan hệ gây khiến như trong:

- (11') Việc giảm bớt được gánh nặng cho xã hội **làm** tôi hạnh phúc.

2.3. Vị từ làm trong cấu trúc vị ngữ chuỗi:

Qua khảo sát ngữ liệu, chúng tôi nhận thấy có hai trường hợp vị từ 'làm' có thể kết hợp với ngữ đoạn kết quả XP tạo thành vị ngữ chuỗi: i) XP là ngữ tính từ biểu thị tính chất, ii) XP là ngữ vị từ. Vì vị từ kết quả phần lớn là vị từ phi chuyển tác, không chủ ý, nhằm miêu tả quá trình tâm lý, sinh lý, hoạt động hoặc sự thay đổi trạng thái nên trong cấu trúc vị ngữ chuỗi không có kết hợp của vị từ trung tâm với ngữ danh từ:

- 1) [NP1 làm XP/AP NP2] với XP là ngữ tính từ biểu thị tính chất.

- (12) Hi vọng qua vụ này mấy ông lãnh đạo chấn chỉnh lực lượng, không để hình ảnh này **làm xấu** màu cờ sắc áo!

- (13) Đây là bài học cho những ai còn bị ma lực đồng tiền **làm mờ mắt**.

So sánh hai cách nói a) **làm xấu** màu cờ sắc áo và a') **làm** màu cờ sắc áo **xấu**; b) **làm mờ mắt** và b') **làm mất** **mờ** có thể thấy kết cấu ở (a) và (b) mang tính gắn kết chặt nên tạo thành một tập hợp từ có ý nghĩa trừu tượng hơn so với kết cấu ở (a') và (b') chỉ có nghĩa đen, nghĩa thực của từ (literally).

- 2) [NP1 làm XP/ VP NP2] với XP là ngữ vị từ.

- (14) Vụ tai nạn **làm chết** tại chỗ 2 con của chị Chung.

- (15) Những thông tin trên đã **làm dấy lên** nhiều lời đồn đoán về mối liên hệ của ông Thaksin cùng phe Áo đỏ tới các vụ đánh bom thời gian qua ở Bangkok.

Trong kiểu kết cấu (2) lại có thể chia ra hai trường hợp:

2a) Ngữ kết quả là những vị từ có liên quan đến ý tác động để lại kết quả: *làm dấy lên, làm tăng, làm giảm, làm kéo dài, làm thay đổi, ...*

(16) Phương án hoàn vốn bao gồm cả thuế VAT vào phương án tài chính **làm** kéo dài thời gian thu phí, điều khoản hợp đồng mâu thuẫn **làm** tăng chi phí, *giảm* doanh thu thu phí.

(17) Đây là lần đầu tiên ca sĩ Hoàng Thùy Linh nhắc lại sự cố **làm** thay đổi cuộc đời cô hoàn toàn từ 10 năm trước.

2b) *Làm* kết hợp với những vị từ chỉ trạng thái như *chết*, *roi*, *bắn*, *ngập* làm thành những *ngữ vị từ* khá cố định, thường được liên tưởng theo cặp như: *roi* - *làm roi*, *bắn* - *làm bắn*, *ngập* - *làm ngập*, *uớt* - *làm uớt*, *mất* - *làm mất*:

(18) Khi **làm mất** vé máy bay, nhiều người rất lo lắng, không biết xử lý như thế nào.

(19) Nhiều ý kiến cho rằng chính sân golf góp phần **làm ngập** sân bay Tân Sơn Nhất.

Tuy khả năng kết chuỗi của ‘*làm*’ là rất lớn nhưng cũng có những trường hợp không thể chuyển vị. Ví dụ:

(20) a. Nam **làm** tôi *xấu* mặt. → b. Nam **làm** *xấu* mặt tôi.

c. Nam **làm** cha mẹ *giận*. → d. Nam **làm** **giận* cha mẹ.

Một số công trình nghiên cứu đã có những phát hiện tinh tế khi lý giải vấn đề này, hoặc dựa theo tính chủ ý của vị từ. “Khả năng hoán đổi vị trí của V2 phụ thuộc vào mức độ chủ ý của V1. V1 càng có tính chủ ý thì V2 càng có khả năng thay đổi vị trí”⁶, hoặc do “đó là thuộc tính của gây khiến gián tiếp, trật tự các thành tố miêu tả trật tự của các sự tình diễn ra trong thực tại mang tính hình hiệu”⁷. Tuy nhiên, khi vận vào những trường hợp cụ thể thì đôi lúc vẫn chưa thể lý giải hết. Ở ví dụ (18) nêu trên, thật khó để chỉ ra vì sao (18a) có tính chủ ý nhiều hơn (18c) cũng như vì sao (18a) và (18c) đều có tính hình hiệu nhưng V2 của (18a) có thể chuyển vị mà V2 của (18c) thì không thể.

Từ ngữ liệu thu thập được, chúng tôi nhận thấy khả năng vị từ chỉ trạng thái kết quả (hoặc V2) có thể ở vị trí sau vị từ chính (V1) hay không phụ thuộc vào khung tham tổ của vị từ sau khi kết hợp với ‘*làm*’. Chẳng hạn ‘*bay*’ là vị từ chuyển động, bất cập vật, nhưng trong kết hợp “*Gió làm bay (mũ)*” thì đòi hỏi cập vật.

Thử khảo sát ngẫu nhiên khoảng 15 vị từ có thể xuất hiện trong cú pháp hình hiệu (lấy trong từ điển, theo thứ tự alphabet và sắp xếp lại), chúng tôi thu được 5 trường hợp không thể có cú pháp vị ngữ chuỗi:

	<i>Ai? Cái gì? Điều gì? S1</i>	<i>Làm V1</i>	<i>Ai? Cái gì? Điều gì? S2</i>	<i>Như thế nào? V2</i>	<i>Cấu trúc vị ngữ chuỗi S1-làm-V2-S2</i>
1	Hành động đó	làm	tôi	an tâm	Hành động đó ?? làm an tâm tôi.
2	Chuyện đó	làm	tôi	bạt hồn, kinh vía	Chuyện đó?? làm bạt hồn, kinh vía tôi.

⁶ Nguyễn Thị Thu Hương, 2010, tr. 141.

⁷ Nguyễn Hoàng Trung, 2014, tr.20.

3	Chuyện đó	làm	nhiều người	bạt hòn, kính vía	Chuyện đó làm bạt hòn, kính vía nhiều người.
4	Chuyện đó	làm	mọi người	bàn tán.	Chuyện đó ?? làm bàn tán mọi người.
5	Gió	làm	mũ	bay	Gió làm bay mũ.
6	Kinh tế phát triển	làm	cuộc sống người dân	ấm no	Kinh tế phát triển? làm ấm no cuộc sống người dân.
7	Anh ấy	làm	dòng chữ	ẩn đi	Anh ấy làm ẩn đi dòng chữ.
8	Máy sưởi	làm	phòng	ấm	Máy sưởi làm ấm phòng.
9	Tình cảm đó	làm	lòng tôi	ấm áp	Tình cảm đó làm ấm áp lòng tôi.
10	Cách cư xử đó	làm	gia đình	ấm êm	Cách cư xử đó? làm ấm êm gia đình.
11	Thời gian	làm	chiếc quần jean	bạc màu	Thời gian làm bạc màu chiếc quần Jean
12	Trồng nhiều vụ	làm	đất	bạc màu	Trồng nhiều vụ làm bạc màu đất.
13	Họ	làm	đất	toi	Họ làm toi đất.
14	Thận yếu	làm	cơ thể	bạc nhược.	Thận yếu làm bạc nhược cơ thể.
15	Suy nghĩ đó	làm	đầu óc	bãi hoái	Suy nghĩ đó làm bãi hoái đầu óc.

Kết quả thu được cho thấy có 5 trường hợp không thể đảo V2 (các ví dụ 1, 2, 4, 6, 10) mà khả năng hoán đổi vị trí V2 không do mức độ chủ ý của V1. Đôi khi kết cấu chuỗi được chấp nhận chỉ vì có thêm một/vài định ngữ để làm rõ tính xác định hoặc sự cân đối về độ dài của tiếp thể:

- (vd1) a. Hành động đó **làm** tôi an tâm.
 b. ?? Hành động đó **làm** an tâm tôi.
 c. Hành động đó **làm** an tâm những người có con nhỏ.

- (vd2) a. Chuyện đó **làm** tôi bạt hòn, kính vía.
 b. ?? Chuyện đó **làm** bạt hòn, kính vía tôi.
 c. Chuyện đó **làm** bạt hòn, kính vía nhiều người.

Hoặc phụ thuộc vào khả năng kết hợp giữa vị từ trung tâm với vị ngữ kết quả:

- (vd3) a. Chuyện đó **làm** mọi người bàn tán.
 b. ?? Chuyện đó **làm** bàn tán mọi người.

Xét ở cấp độ câu mở rộng, chúng tôi cũng nghiêng về quan điểm: “Độ dài của danh ngữ bổ ngữ có thể chi phối trật tự. Lý do có lẽ là khoảng cách quá xa giữa yếu tố trung tâm và phụ ngữ có thể gây trở ngại cho việc tiếp nhận phát ngôn”⁸ như hai ví dụ trích dẫn sau:

⁸ Nguyễn Văn Phở, 2018, tr.148

- a. Nó **làm** *nứt* cái lọ sứ cổ mà ông tôi rất quý.
 b. *Nó **làm** cái lọ sứ cổ mà ông tôi rất quý *nứt*.

3. Cấu trúc kết quả với vị từ ‘khiến’:

3.1. Cấu trúc kết quả với vị từ *khiến* có hầu hết các đặc trưng ngữ pháp - ngữ nghĩa như vị từ *làm* nên trong đa số các trường hợp *khiến* và *làm* có thể hoán đổi cho nhau (các ví dụ sau đã dẫn ở mục vị từ *làm*), như:

3.1.1. Trong dạng thức [NP1 **làm/khiến** NP2 XP] :

- Mảng bê tông rơi trúng đầu **làm/khiến** nạn nhân *tử vong* tại chỗ.
- Tiếng bước chân người yêu **làm/khiến** trái tim tôi *loạn nhịp*.

3.1.2. Trong cấu trúc tác nhân có vai bổ ngữ làm chủ ngữ ngữ pháp:

(23) Sự lạnh lùng, lì lợm và đặc biệt là ánh mắt đầy sát khí của Thọ **làm/khiến** nhiều người đối diện *cảm thấy lạnh sống lưng*.

3.1.3. Trong trường hợp tác nhân gây khiến ở vị trí cuối câu, làm phần thuyết cho câu:

- Điều **làm/khiến** tôi *hạnh phúc* là giảm bớt được gánh nặng cho xã hội.

3.2. Tuy vậy, cũng có những điểm khác biệt cần lưu ý:

3.2.1. Vị từ “*khiến*” không thể xuất hiện trong một số cấu trúc vị ngữ chuỗi [NP1 **làm/*khiến** XP NP2] tạo ra tổ hợp từ có ý nghĩa trừu tượng:

- (21) Hi vọng qua vụ này mấy ông lãnh đạo chấn chỉnh lực lượng, không để hình ảnh này ***khiến** *xấu* màu cờ sắc áo!
- (22) Cơ quan điều tra đã tiến hành xác minh ***khiến** rõ được bốn vụ ông T. đã có hành vi dâm ô với trẻ em.

3.2.2. Vị từ **khiến** cũng không xuất hiện trong phần lớn cấu trúc vị ngữ chuỗi [NP1 **làm/*khiến** XP NP2] với vị ngữ kết quả là vị từ chỉ trạng thái:

- (23) Vụ tai nạn ***khiến** *chết* tại chỗ 2 con của chị Chung.
- (24) Nó ***khiến** *hỏng* cái máy tính bảng.

4. Cấu trúc kết quả với vị từ ‘gây’

Gây là một vị từ có thể tham gia biểu hiện nhiều loại sự tình khác nhau:

4.1. Gây có thể biểu đạt **sự tình gây khiến - kết quả** với ba diễn tố nhưng chỉ trong kết cấu chuỗi vị ngữ [tác nhân - **gây** - kết quả - đối thể] [NP1 **gây** XP NP2]:

- (25) a. Vụ án này ngay lập tức **gây/làm/khiến** *chấn động* cả nước.

b. Vụ án này ngay lập tức ***gây/làm/khiến** cả nước *chấn động*.

Trường hợp (25a), *gây/làm/khiến* có thể dùng hoán đổi cho nhau, nhưng nếu ngữ đoạn vị từ chỉ kết quả là cụm chủ vị theo trật tự C-V thì hầu như không thể dùng **gây**:

(26) a. Trong đó, ngày 5-10, hàng chục tài xế đậu trong trạm thu phí **làm/khiến** ***gây** giao thông trên quốc lộ 1 *tê liệt* nhiều giờ.

(27) Chấn động đã gây ra rung lắc lớn đến mức **làm/khiến** ***gây** họ *hoảng sợ* phải chạy khỏi nhà.

4.2. Vị từ **gây** có thể dùng biểu đạt mối quan hệ **nguyên nhân - kết quả** với dạng thức [A gây Y cho B] (Nước bể bơi *gây* bệnh đau mắt đỏ *cho nhiều người*). Khi B (*đối tượng bị tác động*) (*the causee/ the affected object*) không phải là những tham tố quan trọng trong diễn ngôn thì có thể tỉnh lược hoặc không đề cập đến. Ngữ kết quả có thể là ngữ đoạn vị từ hoặc ngữ danh từ:

(28) Ông Kim Jong-un cũng **gây** *bất ngờ* (cho mọi người) khi đến Singapore không phải bằng máy bay riêng của ông.

(29) Căng thẳng biển Đông có thể **gây** *ra chiến tranh* (cho khu vực).

4.3. Trường hợp ngữ đoạn kết quả là ngữ danh từ thì chỉ có trong câu với *gây*, không có trong cấu trúc của vị từ *làm, khiến*:

(30) Giáo viên này có trao đổi với phụ huynh việc trang bị laptop **gây** **nên** ***làm** ***khiến** *sự hiểu nhầm*.

(31) Cách đây 3 ngày, việc Trường Đại học FPT thông báo chấp nhận sinh viên nộp học phí bằng bitcoin, trước mắt áp dụng cho sinh viên nước ngoài, **gây** ***làm** ***khiến** *sự chú ý và tranh luận* trong dư luận.

Kiểu kết cấu này nhằm giải thích, đưa ra nguyên nhân dẫn đến sự tồn tại của một sự việc, sự vật nào đó chứ không nhằm biểu đạt sự thay đổi trạng thái của đối tượng bị tác động nên không thể thay thế bằng *làm, khiến*.

4.4. Về mặt ngữ nghĩa, ‘gây’ là vị từ nêu lên ý làm cho nảy sinh, phát sinh nên cũng được xem là vị từ tạo tác. ‘Gây’ có thể xuất hiện trong câu có phụ ngữ chỉ nguyên do, là đặc trưng mà ‘*làm*’, ‘*khiến*’ không có. Trong cấu trúc này việc kết hợp với phó từ chỉ thể *nên, ra* là bắt buộc:

(32) Bệnh nhiễm trùng này có thể **do** virus hoặc vi khuẩn **gây** *ra* (***gây**).

(33) Thiệt hại **do** virus máy tính **gây** *ra* (***gây**) với người dùng Việt Nam đã đạt mức kỷ lục.

5. Kết luận

Kết quả khảo sát cho thấy cấu trúc kết quả của nhóm vị từ **làm, khiến, gây** có những đặc trưng về ngữ pháp - ngữ nghĩa như sau:

- Đây là loại ***gây khiến - quan hệ*** chứ không phải quan hệ ***gây khiến - tác động***. Dù có cấu trúc hình thức tương tự [NP1 ***làm*** XP/ VP NP2] nhưng trong kiểu cấu trúc ***gây khiến - quan hệ***, sự tri nhận về sự tình hành động bị mờ đi, “sự vật hay sự tình NP1 vốn tồn tại tự nó nhưng được xem là nguyên nhân gây ra trạng thái kết quả, khác với gây khiến - tác động, có NP2 là thực thể bị tác động có chủ ý.”⁹

- Có những tương đồng và khác biệt trong thuộc tính ngữ pháp - ngữ nghĩa của nhóm vị từ gây khiến này:

- + Cú pháp với vị từ ***làm*** đa dạng nhất với các kiểu: *cấu trúc* có phần vị ngữ là một cụm chủ vị, *cấu trúc vị ngữ chuỗi* với ngữ đoạn kết quả XP là ngữ vị từ và *cấu trúc đảo* với chủ ngữ ngữ pháp câu là bổ ngữ có tính logic của vị từ. Ngoài ra, sự tình biểu thị hành động, quá trình cũng có thể chuyển vị, giữ vai trò vị ngữ làm thuyết sau vị từ quan hệ là.
- + Ở kiểu cấu trúc chuỗi, khả năng đảo vị trí của ngữ đoạn kết quả XP (V2) không chỉ do tính chủ ý của tác thể hay tính hình hiệu của sự tình gây khiến gián tiếp quy định mà còn do sự cân đối về độ dài của danh ngữ bổ ngữ hoặc khả năng nhận bổ ngữ đối thể của vị từ trung tâm.
- + Vị từ ***khiến*** có thể thay thế vị từ ***làm*** trong phần lớn các trường hợp nhưng không xuất hiện trong cấu trúc vị ngữ chuỗi khi ngữ kết quả là chuỗi ngữ vị từ có tính thành ngữ hoặc trong cấu trúc có ngữ kết quả là vị từ nội động.
- + Vị từ ***gây*** được xếp vào cấu trúc kết quả chỉ trong kết cấu *chuỗi vị ngữ*. Phần lớn, câu với vị từ ***gây*** nhằm giải thích nguyên nhân dẫn đến sự tồn tại, hiện diện của một sự việc, sự vật. Vì thế, ***gây*** thường được dùng trong cấu trúc hai diễn tố [tác nhân - kết quả]. Ngữ kết quả có thể là ngữ đoạn vị từ hoặc ngữ danh từ. Vị từ ***gây*** cũng có trong cấu trúc có ‘do’, là quan hệ từ chỉ nguyên nhân, là đặc trưng mà ***làm, khiến*** không có. Trong cấu trúc này việc kết hợp với phó từ *nên, ra* là bắt buộc.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Cao Xuân Hạo (2004). *Tiếng Việt Sơ thảo Ngữ pháp chức năng*. NXB KHXH.
2. Diệp Quang Ban (2005). *Ngữ pháp tiếng Việt*, NXB Giáo Dục. Hà Nội.
3. Nguyễn Thị Thu Hương (2010). *Cấu trúc gây khiến kết quả trong tiếng Anh và tiếng Việt*. Luận án tiến sĩ ngôn ngữ học, Hà Nội.
4. Nguyễn Văn Phở (2018). *Ngữ pháp Tiếng Việt, Ngữ đoạn và Từ loại*. NXB ĐHQG TP HCM.
5. Nguyễn Hoàng Trung (2014). Vài nét về kết cấu gây khiến trong tiếng Việt. *Tạp chí Khoa học, ĐHSP TP HCM*, số 63.
6. Roy D’Andrade (1987). *A Folk Model of The Mind*, Cambridge University Press.

⁹ Nguyễn Văn Phở, 2018, tr.224